

Bản án số: 161/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 28/10/2019.

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Chí Nguyễn

Ông Nguyễn Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải – KSV.

Ngày 28/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2019/TLPT-HNGĐ ngày 12/8/2019 về việc tranh chấp ly hôn do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 22-5-2019 của Toà án nhân dân huyện Mê Linh bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐ-PT ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trần Quốc H – sinh năm 1979; có mặt.

Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do.

Đăng ký HKTT: xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

Nơi ở: Xã Cao Minh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

*** Bị đơn:** Chị Hà Thị Hồng T – sinh năm 1979; có mặt.

Nghề nghiệp: Công nhân Công ty CP Giày Phúc Yên

Đăng ký HKTT và nơi ở: thôn Mỹ Lộc, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Hà Nội;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng chính sách xã hội;

Trụ sở: số 169 phố Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hoàng Tiến Hải – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mê Linh; vắng mặt.

2. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Trụ sở: 108 phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Việt Hùng – Chức vụ: Phó phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 3/12/2018 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn trình bày:

Anh Trần Quốc H kết hôn với chị Hà Thị Hồng T ngày 07/11/2002 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Minh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh H một thời gian sau đó chuyển về ở tại thôn Mỹ Lộc, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Hà Nội, vợ chồng xây nhà ở trên đất của bố mẹ chị T. Anh chị chung sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm và sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng có 02 con chung Trần Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 2/12/2003 và Trần Gia Bảo, sinh ngày 12/10/2014. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi con Trần Gia Bảo, còn chị T nuôi con Ngọc Ánh, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đi làm tiếp thị, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh H xác nhận có vay tiền tại Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 12.000.000 đồng, anh là người đứng tên vay. Thời gian vay anh không nhớ. Số nợ này chị T đã trả cho Ngân hàng. Nay anh đồng ý thanh toán lại cho chị T 6.000.000 đồng.

Đối với 02 khoản nợ vay tại Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 12.000.000 đồng (vay năm 2014) và số tiền 50.000.000 đồng (vay năm 2016) Chị T đứng tên vay. Khoản nợ này anh không biết và không đồng ý trả.

Đối với khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Quang Minh số tiền 20.000.000 đồng. Anh khẳng định không phải chữ ký và chữ viết của anh trong giấy vay nợ và anh không đi nhận tiền nên không đồng ý trả. Tòa án yêu cầu anh cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh nhưng anh không có nghĩa vụ phải cung cấp. Chị T yêu cầu thì chị T phải cung cấp. Anh xác nhận chữ ký của bố đẻ là ông Trần Văn Thiết trong Giấy uỷ quyền vay vốn là đúng.

Bị đơn: chị Hà Thị Hồng T trình bày:

Chị xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như anh H trình bày là đúng. Đầu năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn và anh H đã bỏ nhà đi từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay anh H xin ly hôn, chị đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Về con chung: chị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh H trình bày. Nay ly hôn, chị đề nghị nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng/02 con. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập bình quân 6 đến 8 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Đối với sổ vay tháng 6/2016 số tiền 12.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội mang tên anh Trần Quốc H chị đã đứng ra trả. Nay anh H đồng ý thanh toán cho chị 6.000.000 đồng, chị đồng ý.

Đối với khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội ngày 15/9/2014 số tiền 12.000.000 đồng và khoản vay ngày 26/8/2016 số tiền 50.000.000 đồng mang tên Hà Thị Hồng T, chị đề nghị chia đôi khoản trả nợ này.

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng ngày 12/8/2016 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Quang Minh. Chị khẳng định chữ ký và chữ viết trong giấy vay là của anh H. Anh H cầm chứng minh thư của mình đi nhận tiền tại Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:

Ngân hàng xác nhận vợ chồng chị T và anh H từ năm 2014 đến năm 2016 vay vốn tại Ngân hàng, đến nay còn nợ:

- Món vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường theo hồ sơ vay vốn được duyệt ngày 11/9/2014 đã giải ngân số tiền 12.000.000 đồng mang tên chị Hà Thị Hồng T. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, mục đích xây bể phốt mua thiết bị vệ sinh và khoan giếng.

- Món vay chương trình giải quyết việc làm theo hồ sơ vay vốn được duyệt ngày 15/8/2016 đã giải ngân số tiền 50.000.000 đồng mang tên chị Hà Thị Hồng T. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0,55%/tháng, , lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, mục đích chăn nuôi bò sinh sản và sửa chữa chuồng trại.

Nay vợ chồng anh H chị T ly hôn, Ngân hàng đề nghị anh chị phải thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trình bày: năm 2016 chị T và anh H vay vốn tại Ngân hàng theo chương trình hộ nghèo và gia đình chính sách. Bố đẻ anh H là thương binh nên đủ điều kiện được vay. Ngày 12/8/2016 Ngân hàng cho vay theo Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay + giấy nhận nợ và

lịch trả nợ số tiền giải ngân 20.000.000 đồng. Anh H là người nhận tiền và ký nhận. Tính đến ngày 25/4/2019 anh chị còn nợ Ngân hàng 20.000.000 đồng tiền gốc và 425.000 đồng tiền lãi. Nay Ngân hàng yêu cầu anh chị phải thanh toán trả số nợ nêu trên.

Cháu Trần Thị Ngọc Ánh trình bày: Năm 2016 bố cháu (H) làm đơn xin vay tiền tại Ngân hàng Công thương. Chữ ký trên đơn vay tiền là do bố nhờ cháu ký hộ chữ H – Trần Quốc H. Khi đi nhận tiền, bố là người trực tiếp đi lấy và tập ký chữ ký H giống như cháu đã ký tại giấy vay. Cháu khẳng định bố là người nhận tiền và ký nhận với Ngân hàng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 22/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh đã áp dụng điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điều 463,466,468 Bộ luật dân sự 2015, điều 92, khoản 4 điều 147, điều 272,273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Trần Quốc H về việc xin ly hôn với chị Hà Thị Hồng T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Quốc H với chị Hà Thị Hồng T.

2. Về con chung: có 02 con chung Trần Thị Ngọc Ánh, sinh năm 2003 và Trần Gia Bảo, sinh ngày 12/10/2014. Giao cho chị Hà Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Thị Ngọc Ánh và Trần Gia Bảo. Anh H có trách nhiệm đóng góp nuôi con cùng chị T, mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm hỏi chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức: Không xem xét giải quyết.

Về công nợ: Buộc anh H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Mê Linh số tiền 12.000.000 đồng theo giấy vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 11/9/2014 và 15.000.000 đồng tại đơn xin tham gia dự án vay vốn giải quyết việc làm ngày 15/8/2016; trả cho Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Quang Minh số tiền 20.000.000 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 12/8/2016 và 425.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 25/4/2019. Anh H tiếp tục phải trả tiền lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng với Ngân hàng.

Chị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Mê Linh số tiền 35.000.000 đồng tại đơn xin tham gia dự án vay vốn giải quyết việc làm ngày 15/8/2016. Chị T tiếp tục phải trả tiền lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng với Ngân hàng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2019 anh H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, anh không đồng ý giao cả 02 con cho chị T nuôi. Anh đề nghị nuôi cháu Trần Gia Bảo và anh không đồng ý trả nợ Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không rút đơn kháng cáo và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Ngân hàng chính sách xã hội có đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập do trong quá trình Tòa án giải quyết tại cấp phúc thẩm, ngày 15/9/2019 chị T đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật và tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: anh H làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp dự phí kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Năm 2017 anh chị xảy ra mâu thuẫn. Anh H gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án, chị T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung và Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Công việc của anh H đi làm là nhân viên tiếp thị nên phải đi nhiều. Cháu Bảo mắc bệnh tim nên giao con Gia Bảo cho anh H nuôi là không đảm bảo. Cháu Ánh đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc của mẹ và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị T ngoài thu nhập từ lương ở Công ty Giày Phúc Yên, chị còn chăn nuôi, trồng trọt và hỗ trợ của ông bà ngoại. Vì vậy đề nghị HĐXX giao 02 con chung cho chị T nuôi và anh H có trách nhiệm cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/02 con như án sơ thẩm quyết định là phù hợp.

Về nợ: 02 khoản vay của Ngân hàng chính sách xã hội, số tiền 62.000.000 đồng, ngày 15/9/2019 chị T đã trả nên Ngân hàng rút đơn yêu cầu độc lập.

Khoản vay 20.000.000 đồng tại Ngân hàng Công thương, người đứng tên vay là anh Trần Quốc H, nay anh từ chối và khai không biết khoản vay này là không có cơ sở. Tại phiên tòa chị T đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền này và Ngân hàng chấp nhận. Đây là sự tự nguyện của đương sự, cần công nhận.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh H về phần giao nuôi con chung. Sửa án sơ thẩm về phần công nợ. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự chị T trả cho Ngân hàng Công thương số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Anh H có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 6.000.000 đồng theo món vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mê Linh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và trên cơ sở xem xét đầy đủ, tài liệu, chứng cứ, trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của anh Trần Quốc H là hợp lệ, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Quốc H – Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 22/5/2019 đã quyết định anh Trần Quốc H được ly hôn chị Hà Thị Hồng T. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không ai kháng cáo về phần này nên việc ly hôn của anh H và chị T đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về nội dung kháng cáo anh H đề nghị được nuôi con chung là Trần Gia Bảo. Xét thấy trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Trần Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 2/12/2003 và Trần Gia Bảo, sinh ngày 12/10/2014.

Anh H và chị T cả hai đều có thu nhập và đủ điều kiện nuôi con. Chị T làm công nhân Công ty CP Giấy Phúc Yên thu nhập bình quân 7.000.000 đ/tháng. Anh H làm tự do, theo anh trình bày thu nhập bình quân 7.000.000 đ/tháng.

Theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì việc giao con cho ai nuôi dưỡng là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Cháu Ngọc Ánh là con gái năm nay 16 tuổi, độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Nguyên vọng của cháu muốn được ở với mẹ. Hiện cháu đang học lớp 11 và chuẩn bị lên lớp 12 ôn thi đại học. Để tránh xáo trộn môi trường học tập, sinh hoạt nên giao cho mẹ nuôi dưỡng.

Đối với cháu Trần Gia Bảo (05 tuổi) cả hai đều có nguyện vọng được chăm sóc cháu. Xét cháu Bảo có bệnh tim bẩm sinh, sức khỏe không được tốt hay ốm yếu. Chị T chăm sóc con từ nhỏ và thường xuyên đưa cháu đi khám chữa bệnh định kỳ. Chị là người hiểu rõ sức khỏe của con nên việc chăm sóc cháu thuận lợi hơn anh H. Ngoài ra chị T đang ở gần ông bà ngoại nên mỗi lần cháu ốm đau, phải đi bệnh viện còn có sự hỗ trợ của ông bà cả về công sức cũng như về kinh tế. Từ khi ly thân, anh H về quê ở tại xã Cao Minh, tỉnh Vĩnh Phúc. Giao cháu Bảo cho anh H nuôi sẽ làm xáo trộn cuộc sống nên sức khỏe của cháu sẽ bị ảnh hưởng. Do vậy HĐXX thấy rằng giao 02 con cho chị T nuôi là phù hợp. Bản án sơ thẩm quyết

định anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Tại phiên toà chị T trình bày ngoài thu nhập từ lương nơi chị đang làm việc, chị còn chăn nuôi và trồng cây ăn quả. Nay chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự được HĐXX chấp nhận.

Về khoản nợ Ngân hàng chính sách:

Anh H và chị T có vay Ngân hàng chính sách xã hội từ năm 2014 và năm 2016 – cụ thể:

- Ngày 15/9/2014 vay 12.000.000 đ sổ vay mang tên chị Hà Thị Hồng T.
- Tháng 6/2016 vay 12.000.000 đ sổ vay mang tên anh Trần Quốc H
- Ngày 26/8/2016 vay 50.000.000 đ sổ vay mang tên chị Hà Thị Hồng T.

Đối với sổ vay của tháng 6/2016 mang tên anh Trần Quốc H, số tiền 12.000.000 đồng, chị T đã trả cho Ngân hàng. Anh H đồng ý thanh toán lại cho chị T 6.000.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 15/9/2014 và 26/8/2016 mang tên chị Hà Thị Hồng T, ngày 15/9/2019 chị T đã thanh toán hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Do đó ngày 14/10/2019 Ngân hàng rút đơn yêu cầu độc lập. Chị T và anh H đồng ý với việc rút đơn của Ngân hàng. Vì vậy căn cứ điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội.

Đối với khoản nợ của Ngân hàng Công thương:

Ngày 12/8/2016 anh H có đứng tên tại đơn đề nghị vay vốn khoản vay theo chương trình vay vốn đối với gia đình chính sách vì bố anh H là thương binh nên đủ tiêu chuẩn được xét vay vốn. Chữ ký tên người vay H – Trần Quốc H đã được cháu Trần Thị Ngọc Ánh con gái anh H xác nhận cháu là người viết và ký tên. Tuy nhiên Ngân hàng trình bày anh H trực tiếp ký chữ H trong phần theo dõi giải ngân thu nợ số tiền 20.000.000 đồng. Mặc dù anh H không xác nhận chữ ký này của anh song khi Toà án yêu cầu anh nộp chi phí để Toà án thực hiện việc giám định chứng minh chữ ký đó có phải của anh hay không thì anh không nộp. Điều này thể hiện anh H không dám chịu trách nhiệm đối với khoản vay. Theo thủ tục của Ngân hàng khi giải ngân phải đúng người, đúng đối tượng thì Ngân hàng mới giao tiền.

Nay số tiền vay Ngân hàng Công thương, chị T đồng ý để một mình chị trả. Đại diện Ngân hàng trình bày tính đến ngày xét xử phúc thẩm anh chị còn nợ 20.000.000 đồng tiền gốc và 525.000 đồng tiền lãi và Ngân hàng đồng ý để một mình chị T trả nợ. Số tiền lãi sẽ tiếp tục tính theo lãi suất thoả thuận trong hồ sơ vay vốn đến khi tất toán khoản vay. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, được HĐXX chấp nhận.

Như vậy dư nợ còn lại hiện nay của anh H, chị T chỉ còn khoản vay tại Ngân hàng Công thương, chị T đồng ý trả toàn bộ. Do đó HĐXX sửa án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên anh H không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Chị T là hộ nghèo được UBND xã Thanh Lâm chứng nhận số 29-2018/GCN-HN.HCN ngày 6/2/2018. Do vậy chị T được miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 điều 308, điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 điều 27, khoản 2 điều 29, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 22-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh về phần cấp dưỡng nuôi con và thanh toán công nợ. Cụ thể:

1. Về tình cảm: anh Trần Quốc H được ly hôn với chị Hà Thị Hồng T.

2. Về con chung: Xác nhận anh H, chị T có 02 con chung Trần Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 2/12/2003 và Trần Gia Bảo, sinh ngày 12/10/2014. Giao 02 con chung cho chị Hà Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh H, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ: Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội đối với khoản vay ngày 15/9/2014 và 26/8/2016 tại Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mê Linh mang tên chị Hà Thị Hồng T.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự chị T có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và lãi tính đến ngày 28/10/2019 là 525.000 đồng (năm trăm hai mươi năm nghìn đồng) theo khoản vay ngày 12/8/2016 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh mang tên anh Trần Quốc H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm, chị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giấy nhận nợ và lịch trả nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016785 ngày 11/12/2018. Hoàn trả anh H 300.000 đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0009036 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành dân sự huyện Mê Linh;

Chị Hà Thị Hồng T được miễn án phí dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội
- TAND huyện Mê Linh;
- VKSND huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Linh